

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2020/DS-PT**

Ngày: 02-11-2020

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các thẩm phán Ông Mai Xuân Thành

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải A, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2020/TLPT-DS ngày 12/8/2020, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Bích N, sinh năm 1961; Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Xuân L – Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Huỳnh Đắc V, sinh năm 1960; Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn N C - Luật sư, Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Lâm Thị Thanh H**, sinh năm 1963;

- Bà **Lâm Thị Kiều T**, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Số 186/6, đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Đều vắng mặt.

- Ông **Lâm Tăng H**, sinh năm 1965; Địa chỉ: (USA). Vắng mặt.

- Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1969;

- Ông **Lâm Quốc H**, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Đều vắng mặt.

- Ông **Lâm Tăng C**, sinh năm 1979; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1952;

- Ông **Lâm Tăng T**, sinh năm 1983;

- Bà **Lâm Thị Bích L**, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Đều vắng mặt.

- Bà **Huỳnh Thị Túy N**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà **Huỳnh Thị Túy H**, sinh năm 1951;

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Huỳnh Đắc T**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Huỳnh Thị Túy N**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Huỳnh Đắc P**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà **Huỳnh Thị Túy V**, sinh năm 1944; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông **Phan Ngọc D**, sinh năm 1945; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam (Đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc D gồm:

- Bà **Đỗ Thị A**, sinh năm 1950;

- Ông **Phan Ngọc Đ**, sinh năm 1971;

- Bà **Phan Ngọc L**, sinh năm 1972;

- Ông **Phan Ngọc V**, sinh năm 1974;

- Ông **Phan Ngọc Q**, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Số 22 Lê Lợi, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.
Đều vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Huỳnh Đắc V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà: Huỳnh Đắc P, Huỳnh Thị Túy H, Huỳnh Đắc T, Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Thị Túy N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì ý kiến của nguyên đơn như sau:

Vào tháng 12/2015, bà Lâm Thị Bích N nộp hồ sơ xin trích lục thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10 tại số 186/6 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H phối hợp với UBND phường M kiểm tra đo đạc hiện trạng sử dụng đất. Tuy nhiên, qua kiểm tra đo đạc hiện trạng thì ông Huỳnh Đắc V, sinh năm 1960, trú tại: 186/12 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (chủ sử dụng thửa đất số 53 liền kề) không thống nhất ranh giới, mốc giới theo hiện trạng. Lý do ông V không ký ranh giới, mốc giới theo hiện trạng là do ông V có tranh chấp đất đai với hộ gia đình bà N diện tích đất 7,5m² gắn liền với diện tích đất là một căn nhà bếp và nhà tắm do gia đình bà N sử dụng từ trước đến nay. Ông V cho rằng diện tích đất 7,5m² nêu trên thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: 186/12 T, phường M, thành phố H do cha mẹ ông là bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Đắc K kê khai, sử dụng rất lâu đời và đóng tiền thuế đất với diện tích 174,5m². Ngày 31/5/2006, cha mẹ ông được Nhà nước cấp Giấy CNQSDĐ số AE910202, diện tích 165,3m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: 186/12 T, phường M, thành phố H. Theo ông V sở dĩ có sự chênh lệch về diện tích đất được cấp là do bà Lâm Thị Bích N đã lấn chiếm, xây dựng trái phép trên diện tích đất 7,5m² của gia đình ông.

Sự việc đã được UBND phường M hòa giải tranh chấp đất đai hai lần nhưng không thành. Vì vậy, bà Lâm Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Đắc V phải chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với diện tích đất 7,5m² giáp với đất của ông Huỳnh Đắc V; công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp 7,5m², tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho ông Lâm Gia Đ và bà Lê Thị B (Ông Đ và bà B là cha mẹ của bà Lâm Thị Bích N); công nhận tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp 7,5m², tại

thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Thị Bích N.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông (bà) Lâm Thị Thanh H, Lâm Thị Kiều T, Lâm Tăng H, Trần Thị K, Lâm Quốc H, Lâm Tăng C, Trần Thị A, Lâm Tăng T, Lâm Thị Bích L: Thông nhất với ý kiến của bà Lâm Thị Bích N, yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa thì ý kiến của bị đơn ông Huỳnh Đắc V như sau:

Vào ngày 26/12/2016, ông đã làm đơn khiếu kiện để yêu cầu Ủy ban nhân dân phường M tiến hành thủ tục hòa giải tại địa phương nhằm yêu cầu bà Lâm Thị Bích N phải trả lại cho gia đình ông diện tích đất mà gia đình bà N đang lấn chiếm với diện tích khoảng 7.54 m², diện tích này bà N tự ý xây lấn chiếm qua phần đất nhà ông để làm công trình phụ ngay trước mặt nhà ông. Ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã ban hành Công văn số 534/UBND về việc trả lời đơn công dân đã có hướng dẫn ông gửi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố H để giải quyết theo quy định. Ông chưa khởi kiện thì bà N đã khởi kiện. Các yêu cầu của bà N là vô lý, không có căn cứ pháp luật bởi các lý do sau:

Gia đình ông sử dụng đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: 186/12 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam từ trước năm 1975. Sau giải phóng, ba mẹ ông là ông Huỳnh Đắc K và bà Nguyễn Thị Y kê khai sử dụng đất và đóng tiền thuế đất với diện tích 174,5m², quá trình sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Ngày 31/5/2006, cha mẹ ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 165,3m², sở dĩ có sự chênh lệch này là do bà Lâm Thị Bích N đã cố ý lấn chiếm, xây dựng trái phép trên phần đất của nhà ông. Tại thời điểm này, ông đi làm ăn xa không có nhà nên không biết bà N lấn chiếm đất của gia đình ông và cũng không biết việc Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị hao hụt. Năm 2000, ông trở về H sinh sống tại địa chỉ 186/12 T, phường M thì mới tìm hiểu và phát hiện ra việc lấn chiếm đất. Việc gia đình ông bị thiếu đất là do quá trình kê khai sử dụng đất năm 2006, cán bộ địa chính căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông để cấp đất mà không căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1999, Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam có biên bản về việc xác định hiện trạng ranh giới, mốc giới thửa đất, tại thời điểm này mặc dù mẹ ông là bà Nguyễn Thị Y là chủ sử dụng đất, tuy nhiên người ký tứ cận lại là ông Huỳnh Đắc P là anh trai ông, việc ông P thay mẹ ông ký tứ cận nhưng không có giấy ủy quyền là không đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: 186/6 T, phường M, thành phố H trước đây thuộc quyền sử dụng của cha mẹ bà N là ông Lâm Gia Đ và bà Lê Thị B, tuy nhiên vào năm 1999, bà N lại đứng tên trên hồ sơ xác định ranh giới, mốc giới thửa đất là không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án xác định 7,54 m² nằm trong khuôn viên đất của gia đình ông tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: 186/12 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; buộc bà Lâm Thị Bích N phải trả lại cho gia đình ông diện tích đất mà bà N cố ý lấn chiếm nêu trên và tháo dỡ phần xây dựng trái phép trên diện tích lấn chiếm.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án thì ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Thị Túy H, Huỳnh Đắc T, Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Đắc P, Huỳnh Thị Túy V như sau:

Thống nhất với ý kiến của ông Huỳnh Đắc V, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án thì ý kiến của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc D các ông (bà) Đỗ Thị A, Phan Ngọc Đ, Phan Ngọc L, Phan Ngọc V, Phan Ngọc Q như sau:

Đối với diện tích đất tranh chấp giữa bà Lâm Thị Bích N và ông Huỳnh Đắc V thì ông (bà) không biết gì và cũng không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 16 Điều 3; Khoản 10 Điều 12; Điều 21, Điều 26 và khoản 2 Điều 31 Luật Đất đai năm 1993; Điều 100; Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N đối với bị đơn ông Huỳnh Đắc V về việc: “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*” đối với diện tích tranh chấp 7,5m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam:

Buộc ông Huỳnh Đắc V chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 7,5m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp 7,5m², tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho ông Lâm Gia Đ và bà Lê Thị B (Ông Đ và bà B là cha mẹ của bà Lâm Thị Bích N).

Công nhận tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp 7,5m², tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Thị Bích N.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Đắc V về việc yêu cầu nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N tháo dỡ tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp 7,5m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam để trả lại đất cho nguyên đơn ông Huỳnh Đắc V.

(Diện tích đất có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 01/8/2019, bị đơn – ông Huỳnh Đắc V và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về phía Bị đơn gồm các ông, bà: Huỳnh Đắc P, Huỳnh Đắc T, Huỳnh Thị Túy H, Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Thị Túy N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS - ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và đề nghị: Sửa bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Đắc V công nhận 7,54m² đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Huỳnh Đắc V, buộc bà Lâm Thị Bích N phải tháo dỡ công trình trên diện tích đất để trả lại diện tích đất cho gia đình ông V.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về phía Bị đơn không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết

vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về phía Bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS - ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn – ông Huỳnh Đắc V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về phía bị đơn gồm các ông, bà: Huỳnh Đắc P, Huỳnh Đắc T, Huỳnh Thị Túy H, Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Thị Túy N đề nghị: Sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Đắc V công nhận 7,54m² đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Huỳnh Đắc V, buộc bà Lâm Thị Bích N phải tháo dỡ công trình trên diện tích đất để trả lại 7,54m² đất cho gia đình ông V thì thấy:

[1]. Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, diện tích 165,3m², loại đất ở tại đô thị, địa chỉ thửa đất: số 186/12 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã được UBND thị xã H (nay là UBND thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 910202 ngày 31/5/2006 cho bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Đắc K (chết). Nhưng bà Nguyễn Thị Y (là mẹ của ông Huỳnh Đắc V kê khai, đăng ký thể hiện tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, diện tích 174,5m²). Như vậy, diện tích kê khai (174,5 m²) và diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (163,3m²) của bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Đắc K có sự chênh lệch.

Theo nội dung các: Báo cáo số 480/BC-UBND ngày 15/11/2016, Công văn số 680/UBND ngày 07/5/2018, Công văn số 1994/UBND ngày 18/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H thì nguyên nhân có sự chênh lệch giữa diện tích kê khai theo Nghị định 60/CP của Chính phủ và diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Đắc K (chết) là do cạnh phía Nam thửa đất có sự thay đổi trong quá trình sử dụng của hộ gia đình và do sai số giữa 02 lần đo đạc nhưng không liên quan đến ranh giới đất tiếp giáp với hộ bà Lâm Thị Bích N.

[2]. Theo Biên bản thẩm định tại chỗ hiện trạng diện tích đất tranh chấp, hiện trạng diện tích đất sử dụng của nguyên đơn, bị đơn vào ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì: Diện tích đất theo hiện trạng của gia đình bị đơn ông Huỳnh Đắc V đang quản lý là phù hợp với diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Đắc K (đã chết), diện tích 165,3m², thửa 53, tờ bản đồ số 10 được Ủy ban nhân dân thành phố H thừa nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/5/2006. Công văn số 4435/UBND ngày 30/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H thì diện tích đất tranh chấp 7,5m² được bà Lâm Thị Bích N kê khai, đăng ký chung vào thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, diện tích 112,4m², loại đất ở tại đô thị theo hồ sơ đăng ký tại Nghị định 60/CP của Chính phủ và Biên bản xác minh ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H thể hiện diện tích đất tranh chấp do bà N đại diện kê khai theo Nghị định 60/CP.

[3]. Phần diện tích đất đang tranh chấp 7,5m² đang được bà N quản lý, sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên diện tích đất này bà N đã xây dựng nhà bếp, nhà vệ sinh và hầm rút sử dụng ổn định (năm 2003) trước khi bà Nguyễn Thị Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2006). Sau khi bà Y, ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến ngày bà N khởi kiện, bà Y và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng không ai có khiếu nại gì đối với diện tích đất đã được công nhận (165,3m²) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Y.

[4]. Bản án sơ thẩm nhận định: “... nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N trong quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp đã kê khai, đăng ký theo Nghị định số 60/CP của chính phủ và đã xây dựng nhà bếp và công trình phụ gắn liền với diện tích đất tranh chấp. Tại thời điểm nguyên đơn kê khai, đăng ký và sử dụng diện tích đất này không có tranh chấp và được cơ quan có thẩm quyền cấp đất thừa nhận. Do vậy, nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N là người đại diện có đủ điều kiện để sử dụng hợp pháp diện tích đất nêu trên nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Đắc V về việc yêu cầu nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N tháo dỡ tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp để trả lại đất cho Bị đơn”. Nhận định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng với thực tế đang quản lý và sử dụng đất của hai bên.

[5]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS - ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N đối với bị đơn ông Huỳnh Đắc V và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Đắc V về việc yêu cầu nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N tháo dỡ tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp 7,54m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam để trả lại đất cho ông Huỳnh Đắc V là có căn cứ. Sau khi án xử sơ thẩm, ông Huỳnh Đắc V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các ông, bà: Huỳnh Đắc P, Huỳnh Đắc T, Huỳnh Thị Túy H, Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Thị Túy N kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Đắc V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các ông, bà: Huỳnh Đắc P, Huỳnh Đắc T, Huỳnh Thị Túy H, Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Thị Túy N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS - ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[6]. Án phí phúc thẩm:

[6.1]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Đắc V, ông Huỳnh Đắc P phải chịu án dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và L phí Tòa án.

[6.2]. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho các ông, bà: Huỳnh Đắc T, Huỳnh Thị Túy H, Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Thị Túy N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và L phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - ông Huỳnh Đắc V và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía Bị đơn trong vụ án gồm các ông, bà: Huỳnh Đắc P, Huỳnh Đắc T, Huỳnh Thị Túy H, Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Thị Túy N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS - ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: Khoản 16 Điều 3; Khoản 10 Điều 12; Điều 21, Điều 26 và khoản 2 Điều 31 Luật Đất đai năm 1993; Điều 100; Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N đối với bị đơn ông Huỳnh Đắc V về việc: “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*” đối với diện tích tranh chấp 7,5m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam:

Buộc ông Huỳnh Đắc V chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 7,5m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam

Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp 7,5m², tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho ông Lâm Gia Đ và bà Lê Thị B (Ông Đ và bà B là cha mẹ của bà Lâm Thị Bích N).

Công nhận tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp 7,5m², tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Thị Bích N.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Đắc V về việc yêu cầu nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N tháo dỡ tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp 7,5m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 10, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam để trả lại đất cho nguyên đơn ông Huỳnh Đắc V.

(Diện tích đất có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

3. Án phí phúc thẩm: - Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và L phí Tòa án:

- Miễn án phí phúc thẩm cho các ông, bà: Huỳnh Đắc T, Huỳnh Thị Túy H, Huỳnh Thị Túy N, Huỳnh Thị Túy N;

- Buộc ông Huỳnh Đắc V và ông Huỳnh Đắc P, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai: số 0000345 ngày 08/8/2019, số 0000362 ngày 05/9/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

4. Các quyết định về: Án phí sơ thẩm; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp và quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS - ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến